TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-02-2024
Về việc: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Phạm Thị Lợi
2. Ông Đặng Hoàng Mích

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Bùi Thái Dương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thảo Loan– Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 525/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2024/QĐXX-ST ngày 12 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh năm: 1985 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện B, tỉnh T.
- *Bị đơn*: **Nguyễn Hoàng T**, sinh năm: 1979 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai đề ngày 31/10/2023, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hoàng T kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến đầu năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung và sống ly thân không hàn gắn tình cảm được cho đến nay. Quá trình chung sống, chị và anh Nguyễn Hoàng T có với nhau 02 con chung: Nguyễn Hoàng H, sinh ngày: 16/3/2009 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày: 07/01/2012, chị đang nuôi dưỡng. Tài sản chung và nợ chung không có.

Chị Nguyễn Thị Hồng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T.
- Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh Nguyễn Hoàng T cấp dưỡng nuôi con.
- Tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Hồng N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 14/12/2023.

* Bị đơn anh Nguyễn Hoàng T các lần Tòa án triệu tập hòa giải, xét xử đến lần thứ hai đều vắng mặt nên không có lời khai.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Đối với Thẩm phán có chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử vắng mặt là đúng quy định.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng Nhung. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N được nuôi dưỡng 02 con chung và ghi nhận chị N nuôi dưỡng 02 con chung không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: Chị N khai không có nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Hồng N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 14/12/2023 (Bút lục số 35). Bị đơn anh Nguyễn Hoàng T đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng anh T đều vắng mặt. Anh T đã nhận đầy đủ các văn bản tố tụng và hiện nay vẫn đang sinh sống tại địa phương. Căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N, anh T là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Hoàng T kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre vào ngày 06/11/2008, phù hợp quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, đến đầu năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị N trình bày là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, không có tiếng nói chung và sống ly thân không hàn gắn tình cảm được cho đến nay. Chị N vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh T. Anh T không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của chị N. Điều đó chứng tỏ anh T không muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với chị N, hôn nhân giữa chị N và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị N đối với anh T là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Hồng N khai, chị và anh Nguyễn Hoàng T chung sống có với nhau 02 con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày: 16/3/2009 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày: 07/01/2012, chị N đang nuôi dưỡng. Ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại biên bản hỏi ý kiến 02 con chung trên 07 tuổi ngày 14/12/2023, cháu Nguyễn Thị Thùy D có nguyện vọng sống với mẹ, chị N; cháu Nguyễn Hoàng H có nguyện vọng sống với cha, anh T. Mặc dù, biên bản ghi ý kiến con chung Nguyễn Hoàng H có nguyện vọng sống với cha, anh T nhưng quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, anh T đều vắng mặt, con chung anh T cũng không có ý kiến phản hồi gửi đến Tòa án. Việc chăm sóc con chung sau khi ly hôn là nghĩa vụ của cha và mẹ, con chung sống với ai thì cha mẹ cũng đều có nghĩa vụ ngang nhau và cùng nhau chăm sóc đến khi con chung thành niên (Đủ 18 tuổi). Do đó, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Hoàng H và Nguyễn Thị Thùy D là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật theo Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Chị N nuôi dưỡng 02 con chung không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị N nên Hội đồng xét xử ghi nhận, không xem xét giải quyết là phù hợp.

[3] Tài sản chung, nợ chung:

Chị Nguyễn Thị Hồng N khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 04 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 233, 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng N.

2. Chị Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng T.

3. Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Hồng N được nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Hoàng H, sinh ngày: 16/3/2009 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày: 07/01/2012. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Hồng N không yêu cầu anh Nguyễn Hoàng T cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Trong thời gian con chung của chị N và anh T chưa thành niên (Chưa đủ 18 tuổi), anh chị có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và có quyền yêu cầu thay đổi

người trực tiếp nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng N khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000528 ngày 13 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, chị N đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị Hồng N và anh Nguyễn Hoàng T vắng mặt tại phiên Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (*Phòng KTNV&THA*);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã T, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre (Số 83, quyển số 01/2008 ngày 06/11/2008);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương